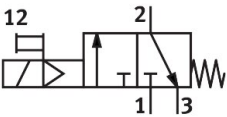


# **Van đóng mở** **MS6-EE-AGE-V24** Số bộ phận: 8232873

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Dòng                                                       | MS                                                            |
| Kích thước                                                 | 6                                                             |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                          |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                          |
| Chức năng khí xả                                           | không thể điều tiết                                           |
| Nút ghi đè                                                 | khớp<br>quét                                                  |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                  |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                              |
| Chức năng van                                              | 3/2 đóng đơn ổn định                                          |
| Áp suất vận hành                                           | 0.4 MPA...1.8 MPA<br>4 bar...18 bar                           |
| Xếp chồng                                                  | gối chống dương                                               |
| Giá trị C                                                  | 29 l/s*bar                                                    |
| giá trị b                                                  | 0.4                                                           |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 7000 l/ph                                                     |
| Thời gian bật                                              | 100%                                                          |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 24 V DC: 1,5 W                                                |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]<br>Khí trơ               |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                                |
| Phù hợp với thực phẩm                                      | xem thông tin tài liệu bổ sung                                |
| Kiểu gắn                                                   | tùy ý:<br>Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện                   |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                        |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                           |

| Đặc tính                     | Giá trị            |
|------------------------------|--------------------|
| trọng lượng sản phẩm         | 1040 g             |
| Cổng nối khí nén 1           | G3/4               |
| Cổng nối khí nén 2           | G3/4               |
| Cổng nối khí nén 3           | G1/2               |
| kiểm soát cung cấp không khí | trong              |
| Cổng nối điện                | theo EN 175301-803 |
| Vật liệu của phốt            | NBR                |
| Vật liệu vỏ                  | Nhôm đúc áp lực    |